

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (49 -)/CA21MNA
CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 6 / 2023
Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214221005	Ngô Thị Hồng	Diệp	21/02/1999	Nữ	10,0	4,8	7,4	001		
2	214221006	Võ Thị Kim	Đoan	01/11/2003	Nữ	9,0	5,0	7,0	002		
3	214221009	Cao Kỳ	Duyên	31/10/2001	Nữ	9,0	3,3	6,2	003		
4	214221011	Huỳnh Ngọc Bích	Giao	28/11/2003	Nữ	10,0	3,0	6,5	004		
5	214221012	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	11/04/2003	Nữ	9,5	3,5	6,5	005		6,5
6	214221014	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	10/08/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	006		6,4
7	214221015	Trần Hồng	Hân	01/09/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	007		5,9
8	214221016	Mai Thị Thúy	Hằng	20/09/2003	Nữ	9,0	2,3	5,7	008		
9	214221018	Đào Thị Thúy	Hằng	28/03/2003	Nữ	9,0	2,3	5,7	009		5,7
10	214221019	Trương Thị Mỹ	Hiền	09/03/2003	Nữ	10,0	4,8	7,4	010		7,4
11	214221020	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	14/03/2003	Nữ	9,0	4,5	6,8	011		6,8
12	214221022	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	21/05/2003	Nữ	9,0	2,3	5,7	012		
13	214221023	Nguyễn Thị Kim	Lài	06/07/2003	Nữ	9,0	3,3	6,2	013		
14	214221024	Ngô Thị Phương	Lam	06/09/2003	Nữ	9,0	3,5	6,3	014		
15	214221027	Võ Thị Ngọc	Linh	07/03/2003	Nữ	9,0	2,5	5,8	015		
16	214221031	Trình Thị Thúy	Mộng	23/11/2003	Nữ	9,0	2,3	5,7	016		
17	214221034	Trương Thị Bé	Nên	19/02/2003	Nữ	9,5	3,0	6,3	017		
18	214221038	Phạm Thị Kim	Ngân	15/01/2003	Nữ	10,0	3,0	6,5	018		
19	214221039	Nguyễn Thảo	Ngân	29/01/2002	Nữ	10,0	3,5	6,8	019		
20	214221040	Nguyễn Kim	Ngân	14/06/2003	Nữ	10,0	4,0	7,0	020		
21	214221041	Trần Thị Kim	Ngân	04/06/2003	Nữ	10,0	3,0	6,5	021		
22	214221042	Thạch Thị Kim	Ngân	22/12/2003	Nữ	10,0	3,3	6,7	022		
23	214221044	Nguyễn Trang Kim	Ngọc	04/09/2002	Nữ						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 23

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/CA21MNA

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 6 / 2023

Phòng thi: ĐH 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214221046	Phạm Trần Thị Hồng Nhi	13/09/2003	Nữ	9,0	2,5	5,8	004	<u>Nhi</u>		
2	214221049	Nguyễn Thị Yến Như	12/09/2003	Nữ	9,0	4,3	6,7	005	<u>Như</u>		
3	214221050	Huỳnh Thị Hồng Như	25/08/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	006	<u>Như</u>		
4	214221052	Lê Mỹ Nhung	07/07/2003	Nữ	9,5	2,5	6,0	007	<u>Nhung</u>		
5	214221054	Nguyễn Thị Anh Phương	12/06/2003	Nữ	10,0	3,3	6,7	008	<u>Phuong</u>		
6	214221056	Huỳnh Mỹ Duyên	11/10/2003	Nữ	9,5	2,8	6,2	009	<u>Duyen</u>		
7	214221058	Thạch Thị Đa Ri	12/05/2021	Nữ	9,0	2,3	5,7	010	<u>Ri</u>		
8	214221063	Thạch Thị Minh Thê	11/03/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	011	<u>Thê</u>		
9	214221064	Võ Minh Thư	06/03/2003	Nữ	9,0	2,5	5,8	012	<u>Thư</u>		
10	214221067	Huỳnh Thị Ngọc Thương	03/11/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	013	<u>Thương</u>		
11	214221075	Võ Thị Tuyết Trân	08/09/2003	Nữ	10,0	2,8	6,4	014	<u>Trân</u>		
12	214221076	Võ Thị Huyền Trân	26/03/2003	Nữ	9,0	2,5	5,8	015	<u>Trân</u>		
13	214221078	Huỳnh Thị Huyền Trân	02/01/2003	Nữ	9,0	2,5	5,8	016	<u>Trân</u>		
14	214221165	Thạch Thị Chan Thu	29/10/2002	Nữ	9,5	2,0	5,8	017	<u>Thu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/CA21MNB

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 6 / 2023Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Thư	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112521003	Thạch Thị Minh	Thư	23/03/2003	Nữ	9,5	3,0	6,3	001	Thư		
2	214221051	Nguyễn Thị Bích	Như	22/12/2003	Nữ	9,0	2,0	5,5	002	Như		
3	214221068	Trần Thị Thanh	Thúy	15/09/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	003	Thúy		
4	214221074	Huỳnh Ngọc Bảo	Trần	23/11/2003	Nữ	9,0	2,8	5,9	004	Trần		
5	214221080	Danh Thị Ngọc	Trang	28/02/2002	Nữ	9,5	2,3	5,9	005	Trang		
6	214221083	Lê Thị Thanh	Trúc	09/05/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	006	Trúc		
7	214221086	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	09/02/2003	Nữ	9,0	4,5	6,8	007	Pass		
8	214221088	Kim Thị Mỹ	Xuyên	30/07/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	008	Xuyên		
9	214221094	Nguyễn Thị Đây	Nguyên	02/12/2002	Nữ	9,0	3,3	6,2	009	Nguyên		
10	214221098	Lê Hồng	Yên	23/09/2003	Nữ	9,0	3,5	6,3	010	Yên		
11	214221100	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	19/08/2003	Nữ	8,5	3,5	6,0	011	Tuyền		
12	214221103	Trần Thị Mỹ	Tiên	05/11/2003	Nữ	10,0	3,8	6,9	012	Tiên		
13	214221104	Lê Thị Như	Quỳnh	01/07/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	013	Quỳnh		
14	214221105	Huỳnh Thị Yến	Nhi	03/02/2001	Nữ	10,0	3,5	6,8	014	Nhi		
15	214221106	Trần Khánh	Như	31/05/2021	Nữ	8,5	3,8	6,2	015	Như		3-8
16	214221107	Dương Thị Ngọc	Hân	26/08/2003	Nữ	9,5	3,5	6,5	016	Hân		
17	214221108	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	24/06/2002	Nữ	10,0	3,0	6,5	017	Tiền		
18	214221114	Trần Thị Hằng	Ny	10/07/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	018	Ny		
19	214221115	Đào Thị Nhã	Vy	12/05/2003	Nữ	9,5	3,0	6,3	019	Nhà		
20	214221116	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/07/2003	Nữ	9,5	3,3	6,4	020	Ngọc		
21	214221118	Phan Lữ Yến	Nhi	08/03/2000	Nữ	9,5	4,0	6,8	021	Nhi		
22	214221120	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/07/2003	Nữ	10,0	3,8	6,9	022	Ngân		
23	214221122	Châu Ngọc	Đình	27/03/2003	Nữ	10,0	4,3	7,2	023	Đình		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23Tổng số sv, hs dự đánh giá: 23Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 23

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc GiânĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/CA21MNB

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....14...../.....6...../2023.....

Phòng thi:.....C.7.1.20.4.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214221124	Phan Ngọc Thảo	09/12/2003	Nữ	9,5	2,8	6,2	001	Phan		
2	214221125	Nguyễn Huỳnh Giao	29/11/2003	Nữ	10,0	4,5	7,3	002	Giao		
3	214221127	Lê Thị Quế	23/10/2003	Nữ	9,0	3,3	6,2	003	Quế		
4	214221129	Lê Thị Như Ý	18/08/2003	Nữ	10,0	4,3	7,2	004	Ý		
5	214221131	Kim Thị Chanh	09/12/2003	Nữ	9,5	2,8	6,2	005	Chanh		
6	214221133	Nguyễn Tường Vy	05/12/2003	Nữ	9,5	2,8	6,2	006	Vy		
7	214221134	Huỳnh Trần Hà Vy	10/07/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	007	Huỳnh		
8	214221136	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/07/2003	Nữ	9,5	3,5	6,5	008	Ngân		
9	214221137	Sơn Thị Duy Uyên	16/10/2003	Nữ	9,5	2,2	5,9	009	Duy		2.3
10	214221140	Nguyễn Thị Việt Trinh	27/01/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	010	Trinh		
11	214221153	Trần Cao Mai Đình	08/10/2003	Nữ	9,0	3,3	6,2	011	Đình		
12	214221155	Tô Thị Mỹ Duyên	12/09/2003	Nữ	9,0	3,3	6,2	012	Mỹ		
13	214221156	Nguyễn Ngọc Thư	24/05/2003	Nữ	10,0	2,3	6,2	013	Thư		
14	214221157	Thạch Thị Hoa Ry	29/05/2001	Nữ	10,0	3,0	6,5	014	Ry		
15	214221158	Lục Như Linh	10/08/2002	Nữ	9,5	2,3	5,9	015	Linh		
16	214221159	Nguyễn Thụy Tường Vi	02/08/2003	Nữ	9,5	3,3	6,4	016	Vi		
17	214221160	Sơn Hoàn Mĩ Thi	02/06/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	017	Mĩ		
18	214221163	Đoàn Thị Thanh Huyền	20/07/2002	Nữ	9,0	3,0	6,0	018	Thanh		
19	214221164	Phan Thị Diễm	23/12/2002	Nữ	9,0	2,8	5,9	019	Diễm		
20	214221166	Nguyễn Ngọc Như Huỳnh	07/12/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	020	Như		
21	214221169	Lê Thị Kim Ngân	12/01/2003	Nữ							NL
22	214221171	Thạch Thị Ngọc Mi	29/07/2002	Nữ	10,0	3,3	6,7	002	Ngọc		
23	214221172	Võ Thị Mỹ Tiên	29/10/2003	Nữ	10,0	3,3	6,7	0023	Tiên		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....2.3

Tổng số sv, hs dự đánh giá:2.2

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....2.2

Tổng số tờ:.....2.2

Cán bộ coi thi 1:.....Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....Sơn Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra:.....Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA19DCN

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14/6/2023

Phòng thi: DT1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112119101	Lê Văn Dương Khang	23/10/2000	Nam	6,0	2,8	4,4	002	<u>HVT</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA19KDHT

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 6 / 2023

Phòng thi: D71.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112119063	Phạm Quốc Dương	02/09/2001	Nam	<u>6,0</u>	<u>2,8</u>	<u>4,4</u>	<u>001</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ: 01.....

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA20DDB

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 6 / 2023

Phòng thi: D711B

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115420167	Thái Phạm Vi	30/12/2002	Nữ	10,0	4,3	7,2	003	<u>Ph</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21MNB

CBGD: Sơn Sơn Ca (00768)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14/6/2023

Phòng thi: D71-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	114221057	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	01/03/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	018	<u>Thư</u>		
2	114221149	Phạm Thế Mỹ	30/01/2003	Nữ	8,5	4,0	6,3	019	<u>Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 15 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành